

NGHỊ QUYẾT
về đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp gắn với
thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới
tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017 - 2020, định hướng đến năm 2025

Hội nghị lần thứ 9, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI họp ngày 19/04/2017, sau khi nghe báo cáo về Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn Quảng Trị theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2017 – 2020, định hướng đến năm 2025, Tỉnh ủy thảo luận và thống nhất quyết nghị các nội dung sau:

I. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP VÀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN

Sau gần 9 năm thực hiện Nghị quyết 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X, Chương trình hành động số 72-CTHD/TU ngày 31/12/2008 của Tỉnh ủy về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và gần 5 năm thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TU ngày 14/11/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, đến nay tình hình nông nghiệp, nông dân, nông thôn trên địa bàn tỉnh chuyển biến khá rõ nét và đạt được kết quả tích cực.

Sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp phát triển khá ổn định và toàn diện, nông nghiệp và kinh tế nông thôn đang có chuyển biến tích cực theo hướng sản xuất hàng hóa; tốc độ tăng trưởng giá trị sản phẩm nông, lâm, ngư nghiệp giai đoạn 2010 - 2015 đạt 3,7%/năm, năm 2016, đạt 2,5%. Cơ cấu sản xuất nông nghiệp tiếp tục chuyển đổi theo hướng đẩy mạnh khai thác tiềm năng lợi thế của từng vùng, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị nông sản trên một đơn vị diện tích. Hình thành một số vùng chuyên canh, mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch. Chăn nuôi từng bước chuyển sang hình thức trang trại, gia trại. Chương trình cải tạo đàn bò, khôi phục và phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm bản địa có giá trị cao đã mang lại hiệu quả. Phát triển rừng bền vững có nhiều tiến bộ, diện tích rừng trồng áp dụng chứng chỉ FSC ngày càng mở rộng, tỷ lệ độ che phủ rừng đạt 49,6%. Thuỷ sản phát triển cả về nuôi trồng, đánh bắt, dịch vụ và hậu cần nghề cá. Năng lực và hiệu quả đánh bắt trung và xa bờ tăng. Một số sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh đã xác lập được thương hiệu trên thị trường trong và ngoài nước.

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đạt được kết quả khá; huy động được sự tham gia của hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở và các nguồn lực trong Nhân dân. Đã từng bước gắn quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp với quy hoạch nông thôn mới, gắn xây dựng nông thôn mới với tái cơ cấu nông nghiệp. Đến nay, toàn tỉnh có 31 xã đạt chuẩn quốc gia về nông thôn mới, chiếm 26,5% tổng số xã, đạt bình quân toàn tỉnh là 13,35 tiêu chí/xã. Đời sống vật chất và tinh thần của dân cư nông thôn được nâng lên rõ rệt, tỷ lệ hộ nghèo giảm dần, các chính sách an sinh xã hội cho khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa thực hiện có hiệu quả. Các thiết chế văn hóa, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn được quan tâm đầu tư, diện mạo nông thôn được cải thiện rõ rệt.

Bên cạnh những kết quả đạt được, nông nghiệp, nông dân, nông thôn của tỉnh cũng còn nhiều mặt hạn chế. Sản xuất nông nghiệp mang tính tự phát, nhỏ lẻ, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm chưa cao, thiếu sự liên kết giữa người sản xuất với doanh nghiệp, giữa sản xuất với thị trường. Sản xuất hàng hóa quy mô chưa đủ lớn, chất lượng sản phẩm thiếu ổn định. Việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng nâng cao giá trị gia tăng trên một đơn vị diện tích và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp còn chậm. Chất lượng bộ giống sản phẩm chủ lực chưa đáp ứng yêu cầu. Chưa có nhiều mô hình sản xuất nông nghiệp cánh đồng lớn, ứng dụng công nghệ cao, sản xuất hữu cơ để tạo ra nông sản sạch đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và hướng tới xuất khẩu; kinh tế thủy sản phát triển chưa mạnh, tàu thuyền khai thác phần lớn có công suất thấp. Tiềm năng, thế mạnh kinh tế lâm nghiệp chưa được chú trọng khai thác. Việc thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới đạt kết quả bước đầu nhưng cách làm chưa thật bài bản, số tiêu chí bình quân đạt được vẫn còn khoảng cách khá xa giữa khu vực miền núi và khu vực đồng bằng. Việc lồng ghép các chương trình, dự án, huy động các nguồn lực cho xây dựng nông thôn mới còn hạn chế, sử dụng nguồn ngân sách Nhà nước hỗ trợ phát triển sản xuất hiệu quả chưa cao. Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế và lao động ở nông thôn còn chậm. Kết cấu hạ tầng nông thôn vẫn còn thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển. Đời sống của một bộ phận người dân nông thôn còn nhiều khó khăn.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm, định hướng

Cơ cấu lại nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới là 2 nội dung có mối quan hệ biện chứng, cần được thực hiện đồng thời trong quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn. Cơ cấu lại nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới là chuyển từ sản xuất nông nghiệp lấy số lượng làm mục tiêu sang sản xuất nông nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng; chuyển từ sản xuất theo hộ gia đình riêng lẻ sang mô hình sản xuất hợp tác, liên kết, tập trung gắn với chuyển

giao, ứng dụng khoa học công nghệ, hướng tới nền nông nghiệp sạch, công nghệ cao, thân thiện với môi trường, góp phần tạo việc làm và chuyển đổi cơ cấu lao động nông nghiệp, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn.

Cơ cấu lại nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới phải dựa trên hai trụ cột là nhân lực và khoa học, công nghệ phù hợp với điều kiện thực tế, phát huy lợi thế, tiềm năng của tỉnh, đặt trong tổng thể cơ cấu lại các ngành kinh tế của tỉnh gắn với cơ cấu lại nông nghiệp vùng Bắc Trung bộ, Duyên hải miền Trung và cả nước.

Thực hiện cơ cấu lại nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ, của cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở; trước hết phải khơi dậy tinh thần tự chủ, tự lực, tự cường, sáng tạo của nông dân và sự vào cuộc, đồng hành của cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân trong tỉnh.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Cơ cấu lại nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới nhằm phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững; nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền nông nghiệp. Xây dựng nông thôn mới văn minh, hiện đại, an ninh chính trị ổn định, đời sống vật chất và tinh thần cho người dân nông thôn ngày càng được nâng cao; xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội khu vực nông thôn ngày càng đồng bộ; cơ cấu kinh tế nông thôn và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý; gắn phát triển nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với phát triển đô thị.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản phẩm nông nghiệp giai đoạn 2017 - 2020: 3,5 - 4,0%/năm. Cơ cấu nông nghiệp chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng giá trị sản phẩm ngành chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp giảm dần tỷ trọng giá trị sản phẩm ngành trồng trọt trong tổng giá trị sản phẩm của ngành nông nghiệp.

- Sản lượng lương thực ổn định trên 25 vạn tấn/năm.
- Sản lượng khai thác, nuôi trồng thủy sản đến năm 2020 đạt 38.000 tấn, năm 2025 đạt 42.000 tấn (trong đó, nuôi trồng 15.000 tấn).

- Phấn đấu tỷ lệ hộ chăn nuôi đạt 50%.
- Đến năm 2020, đảm bảo cấp nước tưới cho 85 - 90% diện tích **đất trồng lúa** với tần suất trên 85%.

- Đến cuối năm 2020, có trên 50 hợp tác xã (HTX) nông nghiệp kiểu mới, 70% tổng số tổ hợp tác (THT) nông nghiệp được đăng ký chứng thực với chính quyền.

- Đến năm 2020, có 50 - 55% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, có ít nhất 01 huyện đạt chuẩn nông thôn mới, không còn huyện chưa có xã đạt chuẩn nông thôn mới, không còn xã đồng bằng đạt dưới 16 tiêu chí, không còn xã miền núi đạt dưới 08 tiêu chí.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo cơ cấu lại nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới

Các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân từ tỉnh đến cơ sở tổ chức tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết của Tỉnh ủy về cơ cấu lại nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới đến cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Cụ thể hóa chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về cơ cấu lại nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới phù hợp với tình hình thực tiễn địa phương; thực hiện có hiệu quả chủ trương xã hội hoá trong xây dựng nông thôn mới; nâng cao ý thức trách nhiệm của tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư về quản lý, tổ chức sản xuất, xây dựng nông thôn mới... tạo sự đồng thuận, quyết tâm cao trong tổ chức thực hiện.

2. Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về nông nghiệp

Rà soát, bổ sung, điều chỉnh Quy hoạch phát triển ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn đến năm 2020¹; tổng rà soát quỹ đất trên địa bàn tỉnh để làm cơ sở rà soát, hoàn thiện quy hoạch phát triển từng cây trồng, vật nuôi chủ lực, vùng chuyên canh sản xuất hàng hóa trên phạm vi cả tỉnh và từng địa phương đến năm 2020, tầm nhìn 2025. Thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch xây dựng nông thôn mới các xã phù hợp quy định mới về tiêu chí nông thôn mới².

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với quy hoạch; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch đã được phê duyệt. Tăng cường chức năng quản lý nhà nước về nông nghiệp. Thực hiện nghiêm các quy định pháp luật trong lĩnh vực đất đai. Rà soát sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp của ngành nông nghiệp theo hướng cổ phần hóa, giao quyền tự chủ về tài chính, tổ chức, biên chế và hoạt động, nhà nước cấp kinh phí theo đơn đặt hàng.

3. Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện hệ thống cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn

- Rà soát, bổ sung và hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách hỗ trợ nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Có cơ chế thích hợp và đủ mạnh để thực sự khuyến khích: việc nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học - công nghệ và các quy trình sản xuất tiên tiến vào sản xuất nông nghiệp; thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp; huy động các nguồn lực xây dựng nông thôn mới.

- Ban hành danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực, có chính sách hỗ trợ phát triển.

¹ UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2211/QĐ-UBND ngày 15/10/2014.

² Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020; Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 23/02/2017 của UBND tỉnh Quảng Trị ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016 - 2020.

- Ban hành chính sách phù hợp để khuyến khích tích tụ, tập trung ruộng đất, thu hút mạnh các nguồn lực đầu tư phát triển nông nghiệp; từng bước hình thành các tổ hợp nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ.

- Tổ chức nghiên cứu thực trạng, những khó khăn, hạn chế trong hoạt động của các HTX trong lĩnh vực nông nghiệp, từ đó có chính sách, biện pháp tháo gỡ, nâng cao hiệu quả hoạt động và vai trò “bà đỡ” của HTX trong phát triển kinh tế hộ và xây dựng nông thôn mới.

4. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học - công nghệ

- Tăng cường chuyển giao, ứng dụng công nghệ, nhất là công nghệ mới, công nghệ giống, công nghệ sinh học, công nghệ tưới tiên tiến vào sản xuất nông nghiệp, chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản. Khuyến khích và tạo điều kiện cho doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ nhất là trong chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản. Thực hiện cơ chế đổi ứng hợp tác công - tư, hỗ trợ doanh nghiệp trong đầu tư đổi mới công nghệ. Tăng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ phục vụ nông nghiệp.

- Hỗ trợ, giao nhiệm vụ cho Trường Trung học Nông nghiệp Quảng Trị, Trung tâm dạy nghề và hỗ trợ nông dân (Hội nông dân tỉnh) thực hiện một số chức năng của khu nông nghiệp công nghệ cao. Hỗ trợ đầu tư một số mô hình nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp nhà kính để nghiên cứu triển khai nhân rộng.

5. Cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững

5.1. Cơ cấu lại ngành trồng trọt

- Tổ chức lại sản xuất theo hướng tập trung, chuyên canh, sản xuất hàng hóa, xây dựng cánh đồng lớn nhằm ứng dụng có hiệu quả các tiến bộ khoa học kỹ thuật, gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ và xây dựng thương hiệu sản phẩm.

- Chuyển đổi một số diện tích đất trồng lúa, trồng màu, trồng rừng... hiệu quả thấp sang trồng cây khác hoặc chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản hiệu quả cao hơn.

- Phát triển các cây trồng chủ lực của từng địa phương, gắn với khai thác lợi thế so sánh và điều kiện sinh thái. Đến năm 2020, ổn định diện tích trồng lúa 45.500 ha/năm, với 34.500 ha lúa đặc sản, lúa chất lượng cao, đảm bảo trên 90% diện tích được sử dụng giống xác nhận, giống ngắn ngày; diện tích trồng ngô 6.000 ha, phát triển cả ngô lấy hạt, ngô tiêu thụ quả tươi và ngô sinh khối làm thức ăn gia súc; ổn định diện tích trồng lạc 6.000 ha, năng suất bình quân đạt 22-25 tạ/ha; nghiên cứu phát triển vùng trồng Dứa nguyên liệu gắn với xây dựng nhà máy chế biến; phát triển vùng sản xuất rau, hoa chuyên canh ven đô, khu vực Khe Sanh - Hướng Phùng, huyện Hướng Hóa. Chú trọng nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp hiệu quả, nhất là tại vùng cát ven biển. Ốn định diện tích săn nguyên liệu 12.000 ha, tập trung thâm canh, canh tác bền vững, thử nghiệm và đưa vào sản xuất các giống

mới có năng suất, hàm lượng tinh bột cao, phù hợp với điều kiện khí hậu và thổ nhưỡng của địa phương; ổn định diện tích hồ tiêu 2.500 - 2.700 ha, đưa năng suất hồ tiêu đạt 1,5 - 2 tấn/ha; ổn định diện tích cây cà phê 5.300 - 5.500 ha, thực hiện tái canh diện tích cà phê già cỗi; ổn định diện tích cao su 21.000 - 22.000 ha.

- Tập trung khai thác tiềm năng lợi thế của các vùng miền, đặc biệt là vùng gò đồi, vùng núi để mở rộng quy mô sản xuất các cây ăn quả đặc sản và cây dược liệu. Tiến hành rà soát, bình tuyển, nhận chuyển giao những cây ăn quả đặc sản có năng suất và chất lượng tốt để cấp giấy chứng nhận cây đầu dòng, làm nguyên liệu nhân giống cung cấp cho sản xuất trên địa bàn; tiếp tục du nhập, khảo nghiệm các giống cây ăn quả thích hợp.

5.2. Cơ cấu lại ngành chăn nuôi

- Tập trung phát triển mạnh các vật nuôi chủ lực, có điều kiện và khả năng phát triển, phù hợp với tập quán chăn nuôi của người dân như bò thịt, lợn, gia cầm... trong đó đặc biệt chú trọng nâng cao chất lượng giống và làm tốt dịch vụ thú y. Khuyến khích, hỗ trợ các trang trại chăn nuôi tập trung, quy mô lớn, các cơ sở chăn nuôi lợn nái ngoại cấp ông bà, bố mẹ, nâng tỷ lệ lợn nái ngoại thuần đạt 30% tổng đàn nái, lợn nái lai đạt 55% tổng đàn nái vào năm 2020. Bảo tồn và phát triển các giống lợn nội, lợn bản địa phù hợp nhu cầu của thị trường. Đẩy mạnh công tác thụ tinh nhân tạo, nâng cao tỷ lệ Brahman hóa đàn bò. Phấn đấu đến năm 2020, mỗi huyện (trừ huyện đảo Cồn Cỏ) có ít nhất một trang trại chăn nuôi bò thịt, bò sinh sản quy mô trên 100 con, làm hạt nhân liên kết cung cấp giống, thức ăn chăn nuôi, tiêu thụ sản phẩm cho chăn nuôi nông hộ.

- Tổ chức lại chăn nuôi nông hộ theo hướng lựa chọn con giống phù hợp tập quán chăn nuôi, tận dụng nguồn thức ăn tại chỗ và đảm bảo yêu cầu về vệ sinh môi trường. Mở rộng chăn nuôi theo hình thức tự nhiên, không sử dụng thức ăn có chất tăng trọng, sản xuất sản phẩm sạch, sử dụng đệm lót sinh học trong chăn nuôi. Mỗi địa phương lựa chọn các vật nuôi phù hợp tập quán chăn nuôi của người dân, ít ô nhiễm môi trường, sử dụng nguồn thức ăn tại chỗ để phát triển chăn nuôi nông hộ, tạo việc làm tại chỗ.

5.3. Cơ cấu lại ngành thủy sản

- Tập trung phát triển đối tượng nuôi chủ lực, nuôi an toàn sinh học, bảo vệ môi trường và áp dụng VietGAP trong quản lý nuôi trồng thủy sản. Duy trì vùng nuôi tôm sú, tôm thẻ chân trắng trên ao đất vùng ven sông hiện có. Phát triển vùng nuôi tôm thảm canh tôm thẻ chân trắng trên cát ở các xã bãi ngang ven biển phù hợp với quy hoạch, đảm bảo bền vững, hiệu quả. Phát triển nuôi cá nước ngọt ở cả ba vùng đồng bằng, trung du miền núi và vùng cát ven biển, phát triển cá nuôi cá giống và cá thịt để cung cấp theo nhu cầu thị trường. Phấn đấu đến năm 2020, tổng diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 4.000 ha, trong đó nuôi mặn lợ 1.600 ha, có từ 2 đến 3 mô hình

nuôi tôm công nghiệp.

- Chuyển đổi mạnh khai thác thuỷ sản ven bờ sang xa bờ. Tiếp tục đầu tư cải hoán, đóng mới phát triển đội tàu đánh bắt xa bờ (trên 90 CV), khuyến khích phát triển tàu cá công suất 400CV trở lên, phấn đấu đến năm 2020 đội tàu đánh bắt xa bờ (trên 90CV) đạt 320 chiếc, trong đó đóng mới 110 chiếc, có trang bị các thiết bị hiện đại; phát triển các nghề mới như chụp mực, chụp cá, rê khơi, câu khơi, vây ánh sáng.... Nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ hợp tác khai thác thủy sản; khuyến khích phát triển mô hình liên kết giữa khai thác, dịch vụ hậu cần và tiêu thụ sản phẩm. Duy trì hoạt động có hiệu quả khu bảo tồn biển đảo Cồn Cỏ.

- Khuyến khích đầu tư xây dựng mới, mở rộng sản xuất, đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cấp các cơ sở chế biến thủy sản hiện có. Phấn đấu đến năm 2020, có 40-50% tổng sản lượng thủy sản được chế biến, trong đó chế biến xuất khẩu 30%. Xây dựng thương hiệu sản phẩm thủy sản Quảng Trị.

- Khuyến khích đầu tư phát triển các cơ sở đóng, sửa chữa tàu cá; sản xuất, dịch vụ ngư lưới cụ, máy móc, thiết bị khai thác, đá lạnh, nhiên liệu... hình thành hạ tầng dịch vụ đồng bộ, phục vụ khai thác, thu mua, chế biến thủy sản; từng bước đầu tư hoàn thiện, nâng cao năng lực quản lý, khai thác các cảng cá, bến cá, khu neo đậu tránh trú bão tàu cá; xây dựng đảo Cồn Cỏ thành căn cứ hậu cần nghề cá khu vực theo hướng lưỡng dụng. Sớm hình thành các dịch vụ hậu cần nghề cá trên biển.

5.4. Cơ cấu lại ngành lâm nghiệp

- Tập trung phát triển và tăng tỷ lệ rừng kinh tế trong tổng diện tích rừng của tỉnh, đẩy mạnh trồng rừng thâm canh và cây gỗ lớn theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm; tiếp tục mở rộng diện tích rừng trồng áp dụng chứng chỉ FSC. Xây dựng mô hình chuỗi giá trị liên kết từ trồng đến chế biến tiêu thụ sản phẩm. Phát triển thị trường gỗ và sản phẩm từ gỗ rừng trồng.

- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng, thực hiện giao đất lâm nghiệp, giao rừng cho người dân. Nâng cao hiệu quả kinh tế rừng trồng theo hướng phát triển lâm nghiệp đa chức năng, chuyển đổi cơ cấu sản phẩm từ khai thác gỗ non sản xuất dăm gỗ sang khai thác gỗ lớn nhằm tạo vùng nguyên liệu tập trung, cung cấp gỗ cho công nghiệp chế biến đồ gỗ.

- Quản lý, sử dụng bền vững diện tích rừng tự nhiên, thay thế các diện tích kém hiệu quả bằng rừng trồng có năng suất cao, đáp ứng tiêu chí bền vững. Tuyển chọn tập đoàn giống cây trồng phù hợp nhằm điều chỉnh cơ cấu giống cây lâm nghiệp trồng trong rừng phòng hộ và rừng sản xuất theo hướng tăng cây đa tác dụng, đa mục tiêu tạo điều kiện tăng thu nhập trên đơn vị diện tích cho người làm nghề rừng.

- Bảo vệ diện tích rừng phòng hộ, đặc dụng hiện có, tia thưa, trồng bổ sung hoặc làm giàu diện tích rừng trồng bằng cây bản địa tán rộng, ưu tiên đầu tư trồng

mới rùng phòng hộ đầu nguồn, chắn sóng, lấn biển....

- Khuyến khích phát triển các cơ sở sản xuất giống cây lâm nghiệp đảm bảo chất lượng đáp ứng nhu cầu trồng mới hàng năm trên địa bàn tỉnh.

6. Tiếp tục đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất trong nông nghiệp

- Nhân rộng mô hình các HTX, Tổ hợp tác, các liên kết hiệu quả trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Phát triển các hình thức hợp tác, liên kết theo chuỗi giá trị gia tăng, liên kết giữa doanh nghiệp với nông dân và tổ chức đại diện của nông dân, trong đó doanh nghiệp giữ vai trò đầu mối, nòng cốt. Từng bước hình thành liên kết cụm, liên kết vùng trong sử dụng dịch vụ đầu vào; cùng sản xuất theo quy trình chuẩn, xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu chung, kết nối thị trường tiêu thụ.

- Đổi mới mô hình hoạt động của các HTX nông nghiệp, dịch vụ nông nghiệp theo hướng HTX làm nhiệm vụ cung cấp các dịch vụ đầu vào và dịch vụ đầu ra, các khâu dịch vụ của quá trình sản xuất, hỗ trợ cho kinh tế hộ phát triển, chú trọng các khâu bảo quản, chế biến, kết nối thị trường. Phân đầu hàng năm, mỗi huyện có từ 2 – 3 hợp tác xã hoạt động theo mô hình hợp tác xã kiểu mới.

- Cổ phần hóa đối với các Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lâm nghiệp. Tổ chức lại công tác quản lý tàu cá, quản lý ngư trường khai thác, nghề khai thác, mùa vụ khai thác phù hợp với khả năng cho phép của nguồn lợi hải sản đối với từng vùng biển. Đẩy mạnh việc phân cấp quản lý tàu cá khai thác vùng biển ven bờ cho chính quyền địa phương nhằm tăng hiệu quả, hiệu lực quản lý sát với thực tế, bảo đảm duy trì và tái tạo phát triển nguồn lợi hải sản ven bờ.

- Xây dựng một số mô hình điểm kinh tế hợp tác trong chuỗi giá trị ngành hàng, gắn sản xuất với tiêu thụ để nhân ra diện rộng; thúc đẩy liên kết “4 nhà”, tăng cường vai trò của các ngân hàng trong cung ứng vốn cho sản xuất nông nghiệp.

7. Tổ chức thị trường, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm sản xuất nông nghiệp

- Hỗ trợ quảng bá, xúc tiến thương mại; xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý các sản phẩm sản xuất tại địa phương; hỗ trợ các doanh nghiệp, HTX, người dân tiếp cận thông tin về thị trường, các quy định về tiêu chuẩn chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm để định hướng sản xuất.

- Tiếp tục đầu tư, hoàn thiện hạ tầng mạng lưới chợ, siêu thị, các cụm, điểm thương mại theo quy hoạch, phục vụ nhu cầu tiêu dùng tại chỗ buôn bán sỉ đi các tỉnh, thành trong nước; chú trọng phát triển các chợ đầu mối nông, hải sản, các điểm bán sản phẩm sạch, sản phẩm địa phương phục vụ khách du lịch trên các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ, các khu du lịch.

- Nghiên cứu hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư xây dựng các cơ sở sơ chế, bảo quản nông sản cho người sản xuất, hình thành kho dự trữ hàng hóa tập trung tạo thuận lợi cho người dân trong thế chấp vay vốn, chú trọng vai trò của doanh nghiệp trong tiêu

thu sản phẩm.

8. Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020.

- Rà soát, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch, đề án xây dựng nông thôn mới các xã. Củng cố hoạt động của các Ban chỉ đạo, Ban quản lý xây dựng nông thôn mới. Tập trung nguồn lực, ưu tiên chỉ đạo đối với các xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới, các xã có số tiêu chí đạt thấp.

- Huy động các nguồn vốn đầu tư kết cấu hạ tầng thiết yếu khu vực nông thôn, nhất là hạ tầng giao thông, thủy lợi phục vụ sản xuất, nước sinh hoạt. Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn Trung ương hỗ trợ hàng năm cho phát triển sản xuất để xây dựng và nhân rộng các mô hình phát triển kinh tế hộ gia đình, giảm nghèo bền vững.

- Đẩy mạnh thực hiện phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư gắn với xây dựng nông thôn mới; thực hiện Chỉ thị số 12-CT/TU ngày 02/03/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với cuộc vận động “tổn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”. Bảo vệ, khai thác và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống; hình thành và phát triển các giá trị văn hóa tốt đẹp trong cộng đồng nông thôn; nâng cao chất lượng gia đình, thôn, làng văn hóa. Đầu tư hoàn thiện và nâng cao hiệu quả sử dụng các thiết chế văn hóa cơ sở.

- Nâng cao chất lượng dạy và học, tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, đẩy mạnh xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh, an toàn vệ sinh thực phẩm. Thực hiện tốt chính sách bảo hiểm y tế cho người dân nông thôn, xây dựng trạm y tế đạt chuẩn. Tập trung giải quyết các vấn đề bức xúc về môi trường, ban hành quy chế và tăng cường công tác quản lý, xây dựng nghĩa trang theo quy hoạch; xây dựng cảnh quan môi trường nông thôn ngày càng xanh - sạch - đẹp.

- Củng cố, kiện toàn tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị ở các xã. Giữ vững an ninh, trật tự xã hội, đẩy mạnh phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” ở nông thôn. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức các xã, công chức làm công tác xây dựng nông thôn mới.

- Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong việc vận động, tổ chức cho đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia xây dựng nông thôn mới. Tăng cường vai trò giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và giám sát của cộng đồng dân cư đối với hoạt động tái cơ cấu nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Kiểm điểm, xử lý nghiêm trách

nhiệm cá nhân người đứng đầu nếu không hoàn thành các mục tiêu, tiêu chí nông thôn mới theo tiến độ đề ra, để xảy ra tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản sai quy định.

9. Huy động các nguồn lực thực hiện cơ cấu lại nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới

Hàng năm ưu tiên bố trí từ ngân sách địa phương thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới. Lồng ghép, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và các chương trình, dự án khác cho mục tiêu cơ cấu lại nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Huy động sự đóng góp của cộng đồng dân cư xây dựng nông thôn mới một cách hợp lý, khuyến khích tinh thần tự nguyện đóng góp công sức, đất đai, vật tư và kinh phí của cá nhân, hộ gia đình, dòng họ cho công tác xây dựng nông thôn mới. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng các nguồn vốn đảm bảo đầu tư, sử dụng đúng mục đích, phát huy hiệu quả.

Tăng cường áp dụng cơ chế đầu tư đặc thù trong xây dựng nông thôn mới để tiết kiệm chi phí. Tăng cường các hình thức hợp tác công tư, xã hội hóa, khuyến khích, có chính sách hỗ trợ, thu hút các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư vào phát triển nông nghiệp, nông thôn.

10. Xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn thích ứng với biến đổi khí hậu

- Tiếp tục đầu tư xây dựng mới, nâng cấp hệ thống hồ chứa, kênh mương, công trình trên kênh để tăng tỷ lệ diện tích được cấp nước, khả năng tiêu thoát của hệ thống. Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác hệ thống công trình thủy lợi. Nâng cấp, cải tạo kết cấu hạ tầng thuỷ lợi, giao thông nội đồng gắn với thực hiện đồn điền, đồi thửa, xây dựng cánh đồng lớn.

- Phát triển cơ sở hạ tầng thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản. Xây dựng các hệ thống dẫn nước để cung cấp nước cho nông nghiệp và thủy sản ở khu vực ven biển. Áp dụng các giải pháp tưới tiên tiến và tiết kiệm nước.

- Nâng cao năng lực dự báo, phòng chống thiên tai. Tăng cường quản lý nhà nước về an toàn đập. Xây dựng kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai và kế hoạch quản lý lũ tổng hợp cho các lưu vực sông.

11. Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực nông nghiệp, nông thôn

- Huy động các nguồn lực, lồng ghép các chương trình dự án để đẩy mạnh công tác đào tạo, nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu phát triển ngành Nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

- Lồng ghép, tranh thủ các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án trên địa bàn để đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Chú trọng lựa chọn ngành nghề đào tạo phù hợp nhu cầu thực tế, gắn đào tạo với tiếp nhận, chuyển giao công

nghệ mới, chuyển giao kỹ thuật và quy trình sản xuất mới.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân, Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, ban hành cơ chế, chính sách cụ thể thực hiện Nghị quyết.

2. Các cấp ủy đảng, chính quyền xây dựng kế hoạch hành động cụ thể, phù hợp với điều kiện địa phương, đơn vị mình để triển khai thực hiện.

3. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh phối hợp, hỗ trợ, giúp đỡ các địa phương trong xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch, cơ chế, chính sách phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân làm tốt công tác tuyên truyền, phối hợp, vận động đoàn viên, hội viên trong tổ chức thực hiện.

4. Giao Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp Đảng đoàn HĐND tỉnh, các ban đảng và Văn phòng tỉnh uỷ chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết; định kỳ sơ kết, tổng kết báo cáo tình hình thực hiện với Tỉnh uỷ, Ban thường vụ Tỉnh uỷ.

Nghị quyết này được phổ biến đến chi bộ./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Ban Kinh tế Trung ương,
- Các Vụ địa phương tại Đà Nẵng,
- Ban cán sự Đảng, Đảng Đoàn,
- Các huyện, thị uỷ, thành uỷ; Đảng ủy trực thuộc,
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh,
- Các ban Đảng, Văn phòng Tỉnh uỷ,
- Các đồng chí Tỉnh uỷ viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh uỷ.

T/M TỈNH ỦY



BÍ THƯ

Nguyễn Văn Hùng